TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 02 - 2021.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Liệu.**
2. Ông **Hoàng Văn Đông.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thùy Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 485/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim T – sinh năm: 1992.
Địa chỉ: 19 Đường 10, khu phố 3, phường LĐ, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Lâm Quang H – sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Khu dân cư 16, ấp 4, xã PH, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.
(các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Lâm Quang H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012 và được Ủy ban nhân dân xã PH cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/9/2012. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H ham mê cờ bạc, không lo làm ăn, gây ra nợ nần. Sau đó, anh H còn mang tài sản của chị bán lấy tiền trả nợ. Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Từ tháng

9/2020, chị và anh H sống ly thân nhau cho đến nay. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Quang H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Lâm Quang H1 – sinh ngày: 19/3/2013.

Từ khi chị và anh H ly thân nhau đến nay, con chung sống cùng chị.

Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ; Tại phiên hòa giải, chị chỉ yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2021, bị đơn anh Lâm Quang H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với lời trình bày của chị Lê Thị Kim T về quá trình sinh sống, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị Lê Thị Kim T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Lâm Quang H1 – sinh ngày: 19/3/2013.

Khi ly hôn, anh tự nguyện giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Kim T đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị T và anh H (bản sao), Sổ hộ khẩu của chị T và anh H (bản sao), Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), Giấy khai sinh của con chung (bản sao), Bản tự khai ngày 11/12/2020 của chị Lê Thị Kim T (bản chính); anh Lâm Quang H đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ gồm CMND (bản sao), Bản tự khai (bản chính), Đơn xin vắng mặt ngày 08/01/2021 (bản chính). Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản thể hiện nguyện vọng của con chung đối với cháu Lâm Quang H1; Biên bản làm việc đối với bà Bùi Thị Thanh Th.

Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh

Lâm Quang H. Anh H đang cư trú tại huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Chị Lê Thị Kim T và anh Lâm Quang H là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị T và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH vào ngày 22/9/2012. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh H thì Tòa án áp dụng các Điều 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T yêu cầu ly hôn vì do anh H ham mê cờ bạc, không lo làm ăn, gây ra nợ nần. Anh H thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn như chị T trình bày và đồng ý ly hôn với chị T.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập anh H đến Tòa án để hòa giải nhưng anh H chỉ gửi văn bản trình bày ý kiến, không đến để hòa giải. Điều này thể hiện ý chí của anh H không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua chứng cứ Tòa án thu thập là lời khai của bà Bùi Thị Thanh Th (mẹ đẻ của anh H) thể hiện cuộc sống chung anh chị xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân nhau (bút lục 44).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để chị T có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị T là cho chị được ly hôn với anh H là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Lâm Quang H1 – sinh ngày: 19/3/2013.

Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, bản thân chị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Từ khi chị T và anh H sống ly thân đến nay, con chung sống cùng chị T. Hơn nữa, cháu H1 cũng có nguyện vọng sống cùng chị T. Anh H cũng đồng ý với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị T. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Anh H cũng đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng của chị T. Vì vậy, buộc anh H cấp dưỡng nuôi cháu H1 mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H kê khai không có. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn, anh Lâm Quang H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 11, 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim T.

Cho chị Lê Thị Kim T được ly hôn anh Lâm Quang H.

2. Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Lâm Quang H1 – sinh ngày: 19/3/2013.

Chị Lê Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lâm Quang H1. Anh Lâm Quang H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 03/2021. Anh H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành thì còn phải chịu khoản lãi suất tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án xong theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí

tại biên lai thu số 0005504 ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Anh Lâm Quang H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Chị T và anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Ủy ban nhân dân xã PH: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 49, cấp ngày 22/9/2012);
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Lợi